

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 64/2024/DS-ST
Ngày 5-6-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Hồng Diễm Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thắm;
- Ông Lương Thanh Nhân.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Hương Giang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 463/2023/TLST-DS ngày 25/10/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2024/QĐXXST-DS ngày 24/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2024/QĐHPT ngày 14 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị C, sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ 7, khu 9, phường C, thành phố B, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Bà Nguyễn Ngọc V, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 105, tổ 3, khu phố 2, phường C, thành phố B, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 20/02/2023 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Lê Thị C trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên bà Lê Thị C cho bà Nguyễn Ngọc V vay số tiền 550.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 10/7/2022 bà Nguyễn Ngọc V vay 100.000.000 đồng, hạn ngày 15/7/2022 sẽ trả. Ngày 13/8/2022 bà Nguyễn Ngọc V vay tiếp 100.000.000 đồng, hạn ngày 28/8/2022 sẽ trả. Ngày 18/8/2022 bà Nguyễn Ngọc V trả 10.800.000 đồng. Ngày 22/8/2022 bà Nguyễn Ngọc V trả

16.000.000 đồng. Ngày 26/8/2022 bà Nguyễn Ngọc V trả 12.000.000 đồng. Ngày 29/8/2022 bà Nguyễn Ngọc V trả 12.000.000 đồng. Ngày 01/9/2022 bà Nguyễn Ngọc V trả 12.000.000 đồng. Ngày 3/9/2022 bà Nguyễn Ngọc V trả 10.000.000 đồng. Tổng cộng từ ngày 18/8/2022 đến ngày 03/9/2022 bà V đã trả 72.800.000 đồng, còn lại 127.200.000 đồng.

Ngày 26/9/2022 bà Nguyễn Ngọc V vay tiếp 350.000.000 đồng, hạn 01 tháng sau trả. Ngày 25/10/2022 bà Nguyễn Ngọc V trả 20.000.000 đồng.

Cả ba lần vay đều có viết giấy vay tiền, hai bên không có thỏa thuận về tiền lãi. Đến nay bà V vẫn không trả số tiền đã vay.

Tại đơn kiện, bà C yêu cầu Tòa án buộc bà V thanh toán số tiền nợ 457.200.000 đồng và số tiền lãi tính từ ngày 26/10/2022 cho đến khi xét xử sơ thẩm, tạm tính là 11.384.280 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án bà C yêu cầu Tòa án buộc bà V thanh toán số tiền nợ cụ thể như sau: Tiền nợ gốc: 457.200.000 đồng; trả lãi cho nguyên đơn với mức lãi suất 0,83%/tháng (tương đương 10%/năm), tính từ ngày 26/10/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm, tạm tính là: $457.200.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 03 \text{ tháng} = 11.384.280 \text{ đồng}$.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Giấy mượn tiền ngày 10/7/2022, Giấy mượn tiền ngày 13/8/2022 và Giấy mượn tiền ngày 26/9/2022.

** Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Ngọc V trình bày:*

Bà V thống nhất với nguyên đơn về việc vay tiền, số tiền vay, thời hạn vay và số tiền vay cũng như về lãi suất đối với Giấy mượn tiền ngày 10/7/2022 và Giấy mượn tiền ngày 13/8/2022. Tổng số tiền bị đơn đã trả cho nguyên đơn là 92.800.000 đồng, không có tài liệu chứng cứ chứng minh. Bà V thừa nhận chữ ký, chữ ghi họ tên của người vay tiền tại các Giấy mượn tiền ngày 10/7/2022, Giấy mượn tiền ngày 13/8/2022 và Giấy mượn tiền ngày 26/9/2022 là chữ ký, chữ viết họ tên của bà V. Bà V cho rằng Giấy mượn tiền ngày 26/9/2022 có nội dung số tiền vay là 350.000.000 đồng là do nguyên đơn ép bà V ký để cộng dồn tiền lãi của Giấy mượn tiền ngày 10/7/2022, Giấy mượn tiền ngày 13/8/2022 và 150.000.000 đồng tiền lãi của các khoản vay khác trước đó. Tuy nhiên, bà V không có tài liệu chứng cứ chứng minh nguyên đơn ép ký Giấy mượn tiền. Bà V chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn 150.000.000 đồng.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng, đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung về thủ tục tố tụng.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Các giấy vay tiền trên bà V đều thừa

nhận việc vay mượn tiền của bà C, còn việc bà V cho rằng các giấy vay trên do cộng dồn các lần vay và bà V có trả cho bà C số tiền gần 100.000.000 đồng tiền lãi nhưng không có giấy tờ gì chứng minh cho yêu cầu của mình. Mặt khác, trong thời gian vay, bà C cũng thừa nhận bà V đã trả được số tiền gốc 92.800.000 đồng. Vì vậy, căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Ngọc V phải thanh toán số tiền 457.200.000 đồng cho bà C và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật.

Các đương sự không cung cấp, bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà Lê Thị C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Ngọc V có địa chỉ tại Số 105, tổ 3, khu phố 2, phường C, thành phố B, tỉnh Bình Dương thanh toán tiền nợ theo giấy mượn tiền ngày 10/7/2022, ngày 13/8/2022 và ngày 26/9/2022. Do đó, căn cứ theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương và quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[1.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị C vắng mặt nhưng đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung: Tại đơn kiện, bà C yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà V thanh toán số tiền nợ: **457.200.000 đồng** và số tiền lãi tính từ ngày 26/10/2022 cho đến khi xét xử sơ thẩm, tạm tính là **11.384.280 đồng**.

[2.1] Về yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc:

Theo Giấy vay tiền ngày 10/7/2022, ngày 13/8/2022, ngày 26/9/2022 và trình bày của nguyên đơn có cơ sở xác định: Ngày 10/7/2022, bà V có vay bà C số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay là ngày 15/7/2022, hai bên không thoả thuận lãi suất. Đến ngày 15/7/2022 là hết thời hạn vay nhưng bà V không trả tiền vay cho bà C như đã thoả thuận. Đến ngày 13/8/2022 tiếp tục vay bà C 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 15 ngày, hai bên không thoả thuận lãi suất. Tổng cộng từ ngày 18/8/2022 đến ngày 03/9/2022 bà V đã trả cho bà C 72.800.000 đồng. Đến ngày 26/9/2022 bà V tiếp tục vay bà C 350.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng, hai bên không thoả thuận lãi suất. Ngày 25/10/2022 bà V đã trả cho bà C 20.000.000 đồng. Tổng cộng bà V đã trả bà C 92.800.000 đồng, còn nợ **457.200.000 đồng**. Từ đó đến nay bà V chưa trả số tiền đã vay còn lại.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Ngọc V không có ý kiến cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ về quá trình vay mượn tiền, cũng như việc trả tiền gốc và lãi cho nguyên đơn. Bị đơn thừa nhận chữ ký, chữ viết họ tên người vay trong các Giấy mượn tiền ngày 10/7/2022, Giấy mượn tiền ngày 13/8/2022 và Giấy mượn tiền ngày 26/9/2022 là chữ ký, chữ viết họ tên của bà V. Bị đơn thống nhất về việc vay tiền, số tiền vay, thời hạn vay cũng như về lãi suất đối với Giấy mượn tiền ngày 10/7/2022 và Giấy mượn tiền ngày 13/8/2022. Bị đơn thống nhất đã trả cho nguyên đơn 72.800.000 đồng và cho rằng nguyên đơn cộng dồn tiền lãi các khoản vay trước đó, ép buộc bị đơn ký Giấy mượn tiền ngày 26/9/2022, từ ngày 26/10/2022 đến nay bị đơn không trả tiền nợ gốc và lãi cho nguyên đơn nên chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn 150.000.000 đồng. Tuy nhiên bị đơn không xuất trình các tài liệu chứng cứ chứng minh bị đơn bị ép buộc ký cộng dồn tiền lãi các khoản vay trước đó đối với khoản vay 350.000.000 đồng tại Giấy mượn tiền ngày 26/9/2022 nên có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về tiền nợ gốc: Khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự quy định: “Bên vay tài

sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...”. Bị đơn không xuất trình được chứng cứ chứng minh đã thanh toán khoản nợ cho nguyên đơn. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền nợ gốc **457.200.000 đồng** đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về tiền lãi: Khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định: “Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác”.

Tại Giấy vay tiền ngày 26/9/2022 giữa bà C và bà V thể hiện thời hạn vay là 01 tháng, hai bên không thỏa thuận lãi suất. Đến ngày 26/10/2022 là hết thời hạn vay nhưng bà V không trả tiền vay cho bà C như đã thỏa thuận. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi chậm trả cho nguyên đơn với mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 26/10/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể, bị đơn phải thanh toán tiền lãi như sau: **$457.200.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 19 \text{ tháng} = 73.365.360 \text{ đồng}$** (tính từ ngày 26/10/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 05/6/2024) = **73.365.360 đồng**.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà V phải chịu án phí đối với số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn bà C.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị C đối với bị đơn bà Nguyễn Ngọc V về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Ngọc V thanh toán cho bà Lê Thị C số tiền tổng cộng là: 530.565.360 đồng (năm trăm ba mươi triệu, năm trăm sáu mươi lăm nghìn, ba trăm sáu mươi đồng), bao gồm:

+ Tiền nợ gốc là: **457.200.000 đồng** (Bốn trăm năm mươi bảy nghìn hai trăm đồng).

+ Tiền lãi (tính từ ngày 26/10/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 05/6/2024) là: **73.365.360 đồng** (bảy mươi ba triệu, ba trăm sáu mươi lăm nghìn, ba trăm sáu mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc V phải chịu 25.222.614 đồng (hai mươi lăm triệu, hai trăm hai mươi hai nghìn, sáu trăm mười bốn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền 11.371.686 đồng (mười một triệu, ba trăm bảy mươi một nghìn, sáu trăm tám mươi sáu đồng), tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 00124116 ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự (02);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Bến Cát (01);
- CCTHADS TP. Bến Cát (01);
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án (02).

Phan Hồng Diễm Phúc